TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:42/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20/9/2018
V/v Tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bạch Hưng Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Khánh và ông Ngô Đình Tưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa: Ông Lê Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 09 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 tranh chấp về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2018/QĐXXST-ST ngày 06 tháng 09 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Chu Thị M, sinh năm 1985.(Có mặt)

Trú tại: xóm TH, xã DH, huyện DC, tỉnh NA.

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1984. (Có mặt)

Trú tại: xóm TH, xã DH, huyện DC, tỉnh NA

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2018 bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Chu Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị M và anh T kết hôn với nhau vào ngày 28/6/2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã DH, huyện DC, tỉnh NA. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có tìm hiểu. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau đến khoảng tháng 6/2012 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu và đánh chị M. Đến tháng 9/2012 anh T đi lao động xuất khẩu nhưng mỗi năm về phép 3 tuần. Mỗi lần về phép anh T đều uống rượu, đánh đập

vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng vào ngày 18/3/2018 anh T đánh chị Mai và chị M đã không chịu được nên đã bỏ nhà đi, không thể tiếp tục sống chung với anh T. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, cắt đứt mõi quan hệ, không quan tâm chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống. Nay chị M thấy không thể tiếp tục sống chung với anh T nên chị M làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Nhật L, sinh ngày 26/01/2011 và cháu Nguyễn Nhật L2, sinh ngày 10/4/2012. Hiện nay con chung đang ở với chị M. Nếu ly hôn chị M có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/7/2018, *quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn chị anh Nguyễn Văn T trình bày*:

Về hôn nhân: Anh T và chị M kết hôn vào ngày 28/6/2010, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã DH. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6/2012 anh T đi xuất khẩu lao động, chị M ở nhà chăm sóc con chung. Trong quá trình đi xuất khẩu lao động chị M đã không quan tâm đến anh T; anh gọi điện về gặp con thì có lúc chị M cho gặp, lúc không cho gặp. Đến khoảng cuối năm 2017 anh T về nước, trong thời gian đầu về nước anh T và chị M sống vui vẻ và hạnh phúc. Sau đó anh T biết được những chuyện không hay về chị M nên có đánh đập chị M. Đến tháng 3/2018 chị M đã tự ý bỏ nhà đi, không sống chung với anh T. Từ đó đến nay chị M và anh T không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống nhưng anh T vẫn còn tình cảm với chị M nên chị M làm đơn xin ly hôn thì anh T không đồng ý và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm sóc con chung trưởng thành.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị N L, sinh ngày 26/01/2011 và cháu Nguyễn Nhật L2, sinh ngày 10/4/2012. Hiện nay con chung đang ở với chị M. Nếu ly hôn anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa anh T đề nghị hoặc giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng/2 con kể từ tháng 10/2018 cho đến khi con chung trưởng thành. Anh T không đồng ý việc mỗi người nuôi một con vì không muốn các con sống xa nhau.

Về tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Nguyên đơn, chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Căn cứ điều Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyên đơn chị Chu Thị M.

Về con chung: Áp dụng điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Giao hai con chung là Nguyễn Thị Nhật L, sinh ngày 26/01/2011 và cháu Nguyễn Nhật L, sinh ngày 10/4/2012 cho chị Chu Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng/2 con kể từ tháng 10/2018 cho đến khi con chung trưởng thành. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: chị M và anh T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét và giải quyết.

Án phí: Chị Chu Thị M chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật và anh Tú chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa chị Chu Thị M và anh Nguyễn Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Nguyễn Văn T có địa chỉ thường trú tại xóm TH, xã DH, huyện DC, tỉnh NA. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện DC, tỉnh NA.

[2] Về hôn nhân: Chị Chu Thị M và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào ngày 28/6/2010, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DH. Đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân vợ chồng chị Chu Thị M và anh Nguyễn Văn T xảy ra mẫu thuẫn là do chị M và anh T không hợp tính tình, quan điểm sống khác nhau, anh Tú khi uống rượu thường đánh đập chị M; còn theo anh T thì do chị M đã không quan tâm tới anh T dẫn tới vợ chồng sống không hạnh phúc. Từ ngày 18/03/2018 đến nay vợ chồng anh T và chị M đã sống ly thân, cắt đứt mõi quan hệ. Sau khi Thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại điều 54 Luật Hôn nhân và gia đình nhưng chị M vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị M và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của nguyên đơn chị Chu Thị M.

[4] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Nhật L, sinh ngày 26/01/2011 và cháu Nguyễn Nhật L2, sinh ngày 10/4/2012.

Xét yêu cầu của chị M và anh T về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị M và anh T đều có nguyện vọng nuôi con. Tại phiên tòa anh T có nguyện vọng đề nghị Hội đồng xét xử không giao

mỗi người nuôi một con mà chỉ giao hai con chung cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hoặc giao hai con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và anh T cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/2con/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại hai con chung đang ở với chị M; cháu Nguyễn Thị Nhật L có nguyện vọng được ở với chị M. Từ tháng 6 năm 2012 đến cuối năm 2017 anh T phải đi lao động xuất khẩu nước ngoài, không trực tiếp chăm sóc con chung; đồng thời chị M là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung . Vì vậy, cần phải giao hai con chung là Nguyễn Thị Nhật L, sinh ngày 26/01/2011 và cháu Nguyễn Nhật L2, sinh ngày 10/4/2012 cho chị Chu Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/2con/tháng cho đến khi các con trưởng thành. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

[6] Về án phí: chị Chu Thị M phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và anh Nguyễn Văn Tú chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Chu Thị M và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Thị Nhật L, sinh ngày 26/01/2011 và cháu Nguyễn Nhật L2, sinh ngày 10/4/2012 cho chị Chu Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ (ba triệu đồng)/2 con/tháng kể từ tháng 10/2018 cho đến khi con chung trưởng thành. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo

quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Chu Thị M phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện DC theo biên lai số 0004496 ngày 29/3/2018. Chị M đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện DC
- Chi cục THADS huyện DC;
-TAND tỉnh NA
- UBND xã Dh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bạch Hưng Thành